

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2019

QUY CHẾ

**Tuyển chọn vận động viên thể thao người khuyết tật Việt Nam
để tập huấn, tham dự Đại hội Thể thao người khuyết tật Đông Nam Á
(ASEAN ParaGames) lần thứ 10 tại Philippines, năm 2020**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 37 /HHPVN, ngày 13 tháng 11 năm 2019 của
Hiệp hội Paralympic Việt Nam)

Điều 1. Phạm vi, đối tượng

1. Phạm vi

Quy chế này quy định về nguyên tắc, tiêu chí, quy trình và trình tự tuyển chọn vận động viên thể thao người khuyết tật Việt Nam để tập huấn, tham dự Đại hội Thể thao người khuyết tật Đông Nam Á lần thứ 10 (sau đây gọi là ASEAN ParaGames 10) tại Philippines từ nguồn kinh phí của Tổng cục Thể dục thể thao.

2. Đối tượng

Quy chế này áp dụng để xét tuyển vận động viên (VĐV) thể thao người khuyết tật Việt Nam để tập huấn, tham dự ASEAN ParaGames 10 tại Philippines, năm 2020.

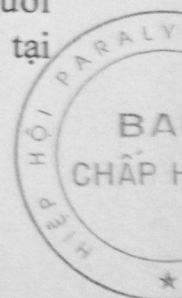
Điều 2. Nguyên tắc xét tuyển.

1. Yêu cầu:

- 1.1. Công bằng, khách quan, công khai, dân chủ.
- 1.2. Có phẩm chất đạo đức và sức khoẻ tốt.
- 1.3. Có trình độ chuyên môn đạt theo tiêu chí quy định.
- 1.4. Đảm bảo theo kế hoạch phân bổ tài chính ngân sách cho đoàn thể thao người khuyết tật tham dự ASEAN ParaGames 10 tại Philippines (nguồn ngân sách từ Tổng cục thể dục thể thao).

2. Nguyên tắc:

- 2.1. Phải có nội dung thi đấu được quy định trong Điều lệ của Đại hội.
- 2.2. Có trình độ chuyên môn đạt tiêu chí tuyển chọn theo từng môn.
- 2.3. Ưu tiên các vận động viên đã có hạng thương tật của quốc tế; VĐV tham gia nhiều nội dung thuộc các môn thể thao thể thao có số lượng huy chương nhiều hơn qua các kỳ ASEAN ParaGames.
- 2.4. Ưu tiên VĐV trẻ.
- 2.5. Chọn thành tích từ cao đến thấp.



2.6. Trong cùng hạng thương tật có nhiều vận động viên đạt theo tiêu chí thì ưu tiên chọn vận động viên ở vị trí xếp hạng cao hơn ở từng nội dung theo Điều lệ của ASEAN ParaGames 10, chú trọng nhân tố mới, có khả năng đạt huy chương.

2.7. Trường hợp khác hạng thương tật thì ưu tiên xét vận động viên tham gia nhiều nội dung, có số lượng huy chương và đạt vị trí ở thứ hạng cao hơn.

2.8. Trường hợp có nhiều vận động viên chỉ có một nội dung thi đấu cá nhân đã đạt huy chương ở các giải quốc tế, quốc gia và có đăng ký tham gia thi đấu nội dung đồng đội, đôi và khả năng đạt huy chương tại ASEAN ParaGames 10 thì sẽ được ưu tiên chọn trước.

2.9. Vận động viên đạt thành tích từ huy chương Đồng trở lên tại ASEAN Para Games 9, Malaysia năm 2017 và ASIAN Para Games 3 Indonesia, năm 2018 khi được chọn vào Đội tuyển phải đảm bảo có thành tích ở giải toàn quốc năm 2019 tương đương với thành tích huy chương Đồng trở lên ASEAN Para Games 9.

Điều 4. Tiêu chí chuyên môn của vận động viên

I. Môn Điền kinh:

1. Vận động viên đạt huy chương tại ASIAN Para Games 3 Indonesia, năm 2018.

2. Các vận động viên đạt thành tích từ huy chương Bạc trở lên tại ASEAN Para Games 9, Malaysia năm 2017.

3. Vận động viên đạt huy chương Vàng Giải Thể thao người khuyết tật toàn quốc năm 2019 tại Cần Thơ có thành tích tương đương thành tích huy chương Bạc tại ASEAN Para Games 9, năm 2017, trường hợp không có nội dung tại ASEAN Para Games 9 thì so sánh với thành tích tại ASEAN Para Games 8.

4. Vận động viên đạt huy chương Vàng Giải Thể thao người khuyết tật toàn quốc năm 2019 tại Cần Thơ mà thành tích không tương đương với huy chương Bạc tại ASEAN Para Games 9, năm 2017 phải đảm bảo 1 trong 2 tiêu chí kèm theo sau:

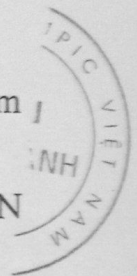
a) Có tối thiểu từ 02 huy chương Đồng trở lên tại ASEAN Para Games 9, năm 2017;

b) Thành tích thi đấu giải toàn quốc năm 2019 cao hơn thành tích huy chương Đồng ASEAN ParaGames 9, năm 2017.

5. Vận động viên đã tham gia giải vô địch thế giới năm 2019 để lấy điểm chuẩn tham dự Paralympic 2020 tại Tokyo.

II. Môn Bơi lội:

1. Vận động viên đạt huy chương ASIAN Para Games 3 Indonesia, năm 2018.



2. Các vận động viên đạt thành tích từ huy chương Bạc trở lên tại ASEAN Para Games 9 tại Malaysia năm 2017.

3. Vận động viên đạt huy chương Vàng của Giải Thể thao người khuyết tật toàn quốc năm 2019 tại Cần Thơ nhưng có thành tích tương đương huy chương Đồng trở lên tại ASEAN Para Games 9, năm 2017.

4. Vận động viên có thành tích thi đấu giải toàn quốc năm 2019 tương đương huy chương Đồng ASEAN Para Games 9 và là VĐV đang tập huấn trong đội tuyển quốc gia.

III. Môn Cử tạ:

1. Vận động viên đạt huy chương tại ASIAN Para Games 3 Indonesia, năm 2018 và ASEAN Para Games 9 Malaysia, năm 2017 (chọn mỗi hạng cân 01 VĐV).

2. Vận động viên đạt huy chương Vàng Giải Thể thao người khuyết tật toàn quốc năm 2019 tại Thái Nguyên có thành tích tương đương thành tích huy chương Bạc tại ASEAN Para Games 9, năm 2017, trường hợp có nhiều vận động viên trong cùng hạng cân nêu như trên thì ưu tiên VĐV có tuổi đời ít hơn.

IV. Môn Cầu Lông:

1. Các vận động viên đạt thành tích huy chương nội dung cá nhân, đôi tại ASEAN Para Games 9 Malaysia năm 2017 và ASIAN Para Games 3 Indonesia, năm 2018.

2. Vận động viên đạt huy chương Vàng cá nhân nam hạng thương tật SU5, SL3, SL4, cá nhân nữ hạng thương tật SL4 và huy chương Vàng nội dung đôi hạng thương tật SL3, SL4 ở giải toàn quốc năm 2019, có khả năng tranh chấp huy chương tại ASEAN Para Games 10 năm 2020.

3. Trường hợp nội dung đánh đôi ở hạng thương tật giống nhau hoặc ghép hạng thương tật liền kề mà thiếu VĐV thì chọn 01 vận động viên có huy chương Vàng ở nội dung đôi và đồng đội tại giải toàn quốc năm 2019.

V. Môn Bóng bàn:

1. Có huy chương nội dung cá nhân tại ASEAN Para Games 9 Malaysia năm 2017 và ASIAN Para Games 3 Indonesia năm 2018.

2. Vận động viên ở nội dung cá nhân đạt huy chương Vàng tại giải toàn quốc năm 2019, đối với nam từ hạng thương tật TT4 đến TT10; nữ hạng thương tật từ TT8 đến TT10 có khả năng tranh chấp huy chương tại ASEAN Para Games 10 năm 2020.

VI. Cờ Vua:

1. Các vận động viên đạt thành tích huy chương tại ASEAN Para Games 9 Malaysia, năm 2017 và ASIAN Para Games 3 Indonesia, năm 2018.

2. Vận động viên ở một số nội dung đạt huy chương Vàng tại giải vô địch toàn quốc năm 2019 có khả năng tranh chấp huy chương tại ASEAN Para Games 10 năm 2020.

Điều 5. Số lượng được tuyển chọn vào Đội tuyển

Căn cứ nguồn kinh phí được cấp để tham dự ASEAN Para Games 10 năm 2020, trên cơ sở ưu tiên cho những môn có khả năng đạt nhiều huy chương quốc tế, để quyết định số lượng vận động viên, huấn luyện viên (HLV), dự kiến Đội tuyển có 105 VĐV và 17 HLV.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Hiệp hội Paralympic Việt Nam phối hợp cùng với Vụ Thể dục thể thao quần chúng, Tổng cục Thể dục thể thao để tổ chức triển khai, thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh ngoài quy định của Quy chế này Hiệp hội báo cáo Lãnh đạo Tổng cục Thể dục thể thao để tiếp tục xem xét, sửa đổi và bổ sung khi cần thiết./.

TM. BAN CHẤP HÀNH
CHỦ TỊCH
BAN
CHẤP HÀNH
*Huỳnh Vĩnh Ái

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy chế tuyển chọn vận động viên thể thao người khuyết tật Việt Nam để tập huấn, tham dự Đại hội Thể thao người khuyết tật Đông Nam Á (ASEAN ParaGames) lần thứ 10 tại Philippines, năm 2020

BAN CHẤP HÀNH HIỆP HỘI PARALYMPIC VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 681/QĐ-BNV ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hiệp hội Paralympic Việt Nam nhiệm kỳ V (2019-2023);

Xét đề nghị của Tổng Thư ký, Trưởng Ban Chuyên môn và Y học thể thao, Chánh Văn phòng Hiệp hội Paralympic Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển chọn vận động viên thể thao người khuyết tật Việt Nam để tập huấn, tham dự Đại hội Thể thao người khuyết tật Đông Nam Á lần thứ 10 tại Philippines từ nguồn kinh phí của Tổng cục Thể dục thể thao.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổng Thư ký, Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Chuyên môn và Y học thể thao, Trưởng Ban Phong trào và tổ chức thi đấu, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Tổng cục TDTT (Để báo cáo);
- Vụ TDTTQC, TC.TDTT;
- Ban Thường vụ Hiệp hội;
- Các Trưởng Ban của Hiệp hội;
- Lưu: Vp, BV (40).

